

**10 ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 11
NĂM HỌC 2019-2020
CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

1. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 1

TRƯỜNG THPT ĐƯƠNG AN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Anh chị hãy đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Thỉnh thoảng chúng ta vẫn thường gặp người cho mình quyền được phán xét người khác theo một định kiến có sẵn. Những người không bao giờ chấp nhận sự khác biệt. Đó không phải là điều tồi tệ nhất. Điều tồi tệ nhất là chúng ta chấp nhận buông mình vào tấm lưới định kiến đó. Cuộc sống của chúng ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều tồi tệ, nên nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác còn tệ hơn nhiều. Sao ta không thôi sợ hãi và thử nghe theo chính mình?

Thật ra cuộc đời ai cũng có lúc không biết nên làm thế nào mới phải. Khi ấy, ba tôi dạy rằng, ta chỉ cần nhớ nguyên tắc sống cơ bản, cực kì ngắn gọn: “Trước hết, hãy tôn trọng người khác. Rồi sau đó, nghe theo chính mình”. Hãy tôn trọng bởi cuộc đời là muôn mặt, và mỗi người có một cách sống riêng biệt. Chẳng có cách sống nào là cơ sở để đánh giá cách sống kia. John Mason có viết một cuốn sách với tựa đề “Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao”. (...) Nó khiến tôi nhận ra rằng mỗi người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng.

(Trích "Nếu biết trăm năm là hữu hạn" - Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Theo tác giả, điều tồi tệ nhất là gì? (0.5 điểm)

Câu 2. Tìm câu chủ đề trong đoạn văn bản trên? (0.75 điểm)

Câu 3. Anh chị có đồng tình với quan điểm của tác giả được nêu trong câu văn: “Cuộc sống của chúng ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều tồi tệ, nên nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác còn tệ hơn nhiều” hay không? Vì sao? (0.75 điểm)

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn văn có ý nghĩa nhất đối với anh chị? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Bàn về thơ của Trần Tế Xương, có ý kiến cho rằng: “Thơ Tế Xương đậm thấm da diết trong trữ tình - một thứ trữ tình thấm thía pha chút cười cợt theo thói quen trào phúng của Tế Xương”. Bằng việc cảm nhận bài thơ Thương vợ anh chị hãy bình luận ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Theo tác giả, điều tồi tệ nhất là chúng ta chấp nhận buông mình vào tấm lưới định kiến mà người khác phán xét chúng ta.

Câu 2: Câu chủ đề: “Trước hết, hãy tôn trọng người khác. Rồi sau đó, nghe theo chính mình”.

Câu 3: Theo tác giả "Cuộc sống của ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều rất tệ, nên nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác hẳn còn tệ hơn nhiều". Đây là một ý kiến đúng đắn về thái độ sống ở đời. Ở đời mỗi người có một cuộc sống và quan điểm sống hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, có những người dễ dàng phán xét người khác chỉ dựa trên quan điểm của bản thân và sự so sánh sự khác biệt với chính mình. Những định kiến mà họ đưa ra cho chúng ta chính là những tấm lưới mà bản thân ta ko nên sa ngã vào. Bởi vì từ trong chính bản thân chúng ta cũng đã có những giới hạn, định kiến mà chúng ta tự đặt ra cho mình rồi. Vậy nên, việc vượt qua được những định kiến của bản thân và người khác để sống cuộc đời do chính mình lựa chọn là điều cần thiết. Khi ấy, mỗi người sẽ nhận thức được cuộc sống còn tươi đẹp biết bao mà trước nay chúng ta vẫn bị gò bó bởi người khác và chính mình. Tóm lại, việc vượt qua được những định kiến rào cản của bản thân và những người khác chính là để sống một cuộc sống tự chủ, tự do.

Câu 4: Thông điệp có ý nghĩa nhất chính là: Đừng để dư luận, phán xét của người khác vùi dập mình, mà hãy thoát ra khỏi nó mà sống một cuộc sống tự do, tự tại.

II. LÀM VĂN

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận theo bố cục 3 phần: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: “Thơ Tế Xương đậm thắm da diết trong trữ tình - một thứ trữ tình thắm thía pha chút cười cợt theo thói quen trào phúng của Tế Xương” qua bài thơ "Thương vợ" của Tế Xương.

c. Triển khai vấn đề cần nghị luận:

- Giới thiệu khái quát về nhà thơ Tế Xương, bài thơ "Thương vợ".
- Cảm nhận bài thơ "Thương vợ":
 - + Tình cảm mà nhà thơ dành cho vợ mình.
 - + Bài thơ mang tiếng chửi chính bản thân nhà thơ vì vẫn còn ăn bám vợ.
- Thơ Tế Xương đậm thắm da diết trong trữ tình - một thứ trữ tình thắm thía pha chút cười cợt theo thói quen trào phúng của Tế Xương.
- Nghệ thuật
 - + Bút pháp trữ tình, lãng mạn.
 - + Ngôn từ sử dụng đặc sắc: từ địa danh, giàu tính tạo hình,..
 - + Giọng thơ: trầm bổng, nổi nhớ nghe da diết.

d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

2. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 2

TRƯỜNG THPT DTNT TỈNH CAO BẰNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Sáng nay tôi thức dậy với những lời trong một bài hát của ca sĩ Mick Jagger: “Ủy mị chẳng ích gì, chuyện trôi qua nhanh lắm”. Đùng như thế. Cuộc đời thực sự đang trôi nhanh lắm.

(2) Sao lại trì hoãn những việc có thể làm hôm nay cho những lúc rảnh rỗi trong tương lai xa xôi nào đó? Sao không đóng vai một con người vượt trội bây giờ mà lại dành điều đó vào một thời điểm khác mai sau? Sao lại chần chừ thụ hưởng những giờ phút tuyệt vời và chờ đến khi về già? Một ngày nọ tôi đọc cuốn sách về một phụ nữ trẻ suy tư về kế hoạch để dành tiền hưu. Cô nói: “Tôi muốn bảo đảm mình sẽ để dành thật nhiều tiền – như vậy tôi mới có thể vui sống vào cuối đời”. Tôi không nghĩ vậy. Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống?

(3) Tôi không có ý nói rằng bạn nên bỏ qua tầm quan trọng của việc lên kế hoạch cho tương lai. Hãy biết nhìn xa và chuẩn bị cho suốt cuộc đời. Đó là sự quân bình. Hãy lên kế hoạch. Để dành tiền cho tuổi hưu. Hãy dự trù. Nhưng đồng thời cũng cần biết sống cho giây phút này. Sống thật đầy đủ.

(Trích Đời ngắn đừng ngủ dài – Robin Sharma, Phạm Anh Tuấn dịch, NXB Trẻ, 2017, tr.25 – 26)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0.5 điểm)

Câu 2. Nêu tên một biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn (2). (0.75 điểm)

Câu 3. Anh/Chị hiểu thế nào về câu hỏi của tác giả: Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống? (0.75 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, việc lên kế hoạch cho tương lai có cần thiết với cuộc đời mỗi người không? Vì sao? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận về đoạn thơ cuối trong bài thơ “Vội vàng” của Xuân Diệu. Qua đó anh/ chị hãy trình bày về quan niệm sống của mình.

“Mau đi thôi! mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn:
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
 Cho chói choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
 Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
 - Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!"

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 2 MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ là: phương thức nghị luận.

Câu 2: Các biện pháp tu từ được sử dụng: câu hỏi tu từ, lặp cú pháp.

Câu 3: Câu hỏi của tác giả có thể hiểu là: đừng chờ đợi đến già mới hưởng thụ cuộc sống, hãy biết tận hưởng cuộc sống mỗi ngày.

Câu 4: Học sinh nêu rõ quan điểm bản thân; lí giải hợp lí, thuyết phục về sự cần thiết của việc lên kế hoạch cho tương lai. Có thể theo hướng sau:

- Giúp con người có mục tiêu, phương hướng hành động.
- Giúp con người chủ động tìm các giải pháp; tránh được các rủi ro,...

II. LÀM VĂN

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:

- Cảm nhận về đoạn thơ, nêu được quan niệm sống của bản thân.

c. Triển khai vấn đề cần nghị luận: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

- **Mở bài:** giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, đoạn trích. Dẫn dắt được đến vấn đề nghị luận: đoạn thơ cuối trong tác phẩm "Vội vàng" của Xuân Diệu.

- **Thân bài:**

+ Câu thơ đầu: Lời giục giã: mau đi thôi → thái độ sống: vội vàng, chạy đua với thời gian, sống mạnh mẽ, đủ đầy với từng phút giây của sự sống.

+ 9 câu thơ còn lại: Sự mãnh liệt của cái tôi đầy ham muốn:

- Điệp từ: ta muốn => Khao khát hòa nhập với thiên nhiên và tình yêu tuổi trẻ.
- Động từ mạnh- tăng dần (ôm, riết, say, thâu, cắn) + từ chỉ mức độ (chénh choáng... đã đầy...no nê) => sự sống nồng nàn mê đắm, cuồng nhiệt.
- Hình ảnh: cả sự sống mơn mớn, mây đưa, gió lượn, cánh bướm với tình yêu, cái hôn nhiều, non nước, xuân hồng.
- Nhịp thơ: dồn dập, hối hả, sôi nổi.

=> Bức tranh xuân tươi mới tràn đầy sức sống, đầy hương sắc. xuân diệu coi mùa xuân như một người thiếu nữ đẹp, trẻ trung, tình tứ, quyến rũ, gọi mời.

- **Kết bài:** khái quát lại nội dung, nghệ thuật của đoạn trích:

+ Học sinh trình bày suy nghĩ về quan niệm sống của bản thân theo nhiều hướng khác nhau, trong đó phải đảm bảo đầy đủ các nội dung sau:

- Quan niệm sống của bản thân là gì?
- Thực hiện quan niệm sống đó như thế nào?

d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

3. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 3

TRƯỜNG THPT BÙI DỤC TÀI

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

"Đò lên Thạch Hãn ơi... chèo nhẹ
Đáy sông còn đó bạn tôi nằm
Có tuổi hai mươi thành sóng nước
Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm".

(Lê Bá Dương, Lời người bên sông)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt trong bài thơ và cho biết đâu là phương thức biểu đạt chủ yếu nhất. (0.5 điểm)

Câu 2. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong hai câu thơ Có tuổi hai mươi thành sóng nước / Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm (1.5 điểm)

Câu 3. Tác giả đã thể hiện những tâm tư, tình cảm gì khi đứng trước dòng sông Thạch Hãn. (1.0 điểm)

Câu 4. Từ bài thơ anh/chị hãy viết đoạn văn (8 – 12 dòng) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của học sinh thanh niên hiện nay đối với đất nước? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Phân tích bức tranh phố huyện lúc về đêm cho đến khi đoàn tàu đi qua trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 3 MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.

Câu 2: Biện pháp nghệ thuật:

- Hoán dụ: có tuổi hai mươi gợi tuổi trẻ, phần đời sôi nổi, nhiệt huyết, ý nghĩa nhất của mỗi người.

- Ẩn dụ: sóng nước: chỉ sự hóa thân của những người lính đã hi sinh; bờ: gợi hình dung về quê hương, Tổ Quốc -> ca ngợi ý nghĩa sự hi sinh của những người lính với dân tộc.

=> Bài thơ gợi hình, gợi cảm, gợi sự xúc động với người đọc.

Câu 3: Thể hiện sự xúc động, xót thương và trân trọng những đồng đội đã hi sinh. Ca ngợi sự cống hiến, hi sinh của các anh hùng liệt sĩ để làm nên nền hòa bình, độc lập của dân tộc. Những người lính đã ngã xuống nhưng tuổi hai mươi của họ sẽ bất tử cùng Tổ Quốc.

Câu 4:

- Đảm bảo đúng hình thức của một đoạn văn, quy tắc chính tả, dùng từ, viết câu.

- Trách nhiệm của học sinh thanh niên hiện nay với đất nước:

+ Sống, học tập và cống hiến cho đất nước.

+ Rèn luyện nhân cách, tu dưỡng đạo đức, bồi đắp lòng yêu nước.

+ Trách nhiệm nghĩa vụ với đất nước phải gắn liền với những việc làm thiết thực, ý nghĩa...

II. LÀM VĂN

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/ đoạn văn, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích bức tranh phố huyện lúc về đêm cho đến khi đoàn tàu đi qua trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam.

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận:

+ Giới thiệu về nhà văn Thạch Lam và tác phẩm "Hai đứa trẻ".

+ Giới thiệu sơ qua bức tranh phố huyện lúc về đêm cho đến khi đoàn tàu đi qua trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam.

- Không gian phố huyện lúc đêm khuya: Bóng tối tối dày đặc bao trùm lên phố huyện đối lập với ánh sáng nhỏ nhoi, mong manh. Thế giới bóng tối cũng chính là cuộc sống tăm tối và tù túng đang bao phủ con người.

- Cuộc sống của con người nghèo khó, bấp bênh, bế tắc. Nhịp sống cứ lặp đi lặp lại một cách đơn điệu, quanh, tẻ nhạt, mỗi mòn, buồn chán. "Chùng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ".

- Phố huyện lúc chuyển tàu đêm đi qua:

+ Khi tàu đến:

- Từ xa: sự xuất hiện của người gác ghi. Ngọn lửa xanh biếc, một làn khói bừng sáng. Tiếng còi vang lại, tiếng xe rít mạnh vào ghi, tiếng hành khách ồn ào khe khẽ.
- Đến gần: Tiếng còi rít lên, tàu rầm rộ đi tới; ló nhố những người, các cửa kính sáng trọng. các toa đèn sáng trưng, sang trọng, đồng và kèn lấp lánh.

-> Tâm trạng vui mừng, hân hoan, hạnh phúc. Chuyển tàu tới làm cho phố huyện bừng sáng. Ánh sáng và âm thanh náo nhiệt của đoàn tàu đã phá vỡ màn đêm mênh mông và tịch mịch của phố huyện.

+ Tàu đi qua: Những đốm than đỏ, chiếc đèn xanh... khuất sau rặng tre. Phố huyện tịch mịch và đầy bóng tối.

-> Nuối tiếc, lặng theo mơ tưởng về Hà Nội.

- Đoàn tàu là biểu tượng về một thế giới tươi sáng và tốt đẹp hơn trong ước mơ của những người dân nơi phố huyện nghèo.

- Tâm trạng của Liên:

+ Gần gũi với thiên nhiên, với phố huyện.

+ Nhớ những kỉ niệm về Hà Nội - "một vùng sáng rực và lấp lánh".

+ Cảm thông, dõi theo cuộc sống của những mảnh đời nghèo khổ nơi phố huyện.

+ Cổ thức để được nhìn chuyến tàu đi qua – sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

+ Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu. Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu lòng trắc ẩn, đôn hậu.

+ Chờ đợi đoàn tàu trong niềm nuối tiếc về quá khứ, về Hà Nội, những ngày tháng hạnh phúc, ấm áp, sung túc khi xưa; ước mơ về một thế giới khác đi qua, rực rỡ, vui tươi, tràn đầy âm thanh và ánh sáng.

- Nghệ thuật: Nghệ thuật đối lập, miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu...

- Kết thúc vấn đề: qua nhân vật Liên nhà văn bày tỏ sự xót thương sâu sắc với những kiếp người nhỏ bé, cơ cực; sự đồng cảm, trân trọng với ước mơ, khát vọng của con người.

d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

4. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 4

TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 3:

"Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy".

(Trích "Chiếu cầu hiền" - Ngô Thì Nhậm)

Câu 1. Hãy cho biết đoạn văn trên được tác giả Ngô Thì Nhậm viết thay cho ai? Viết vào hoàn cảnh lịch sử như thế nào? (1.0 điểm)

Câu 2. Ý nghĩa của hình ảnh so sánh "Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao"? (1.0 điểm)

Câu 3. Xác định nội dung của đoạn văn trên? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh (chị) về hình ảnh bà Tú qua những câu thơ sau:

"Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công".

(Trích "Thương Vợ"- Trần Tế Xương)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 4 MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Đoạn văn trên được tác giả Ngô Thì Nhậm viết thay cho vua Quang Trung ngay sau khi Nguyễn Huệ vừa đánh đuổi 29 vạn quân Thanh xâm lược, lên ngôi lấy niên hiệu là Quang Trung, các sĩ phu Bắc Hà còn đang e dè, nghi ngờ, chưa chịu ra cộng tác với triều đại Tây Sơn.

Câu 2: Ý nghĩa của hình ảnh so sánh: Người hiền – ngôi sao sáng, thiên tử - sao Bắc Thần (tức Bắc Đẩu) là đề cao vai trò của người hiền tài đối với đất nước, xem người hiền tài như tinh tú, tinh hoa.

Câu 3: Nội dung: Từ quy luật tự nhiên khẳng định người hiền tài là phụng sự cho thiên tử, đó là cách xử thế đúng, là tất yếu, hợp ý trời để nêu lên một phản đề người hiền có tài mà đi ẩn dật, lánh đời như ánh sáng bị che lấp, như vẻ đẹp bị giấu đi.

II. LÀM VĂN

a. Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận văn học. Biết vận dụng các thao tác lập luận như phân tích, bình luận... vào bài viết. Bố cục chặt chẽ, diễn đạt rõ ràng.

b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo được các ý chính sau:

- **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về tác giả, đoạn thơ, nêu vấn đề cần nghị luận.

- **Thân bài:**

+ Câu 1, 2: Lời kể về công việc làm ăn và gánh nặng gia đình mà bà Tú phải đảm đương. Chú ý phân tích các từ như quanh năm, mom sông, nuôi đủ.

+ Câu 3, 4: Đặc tả cảnh làm ăn vất vả để mưu sinh của bà Tú. Chú ý phân tích các từ lặn lội, thân cò, quãng vắng, eo sèo.

+ Câu 5, 6: Bình luận về cảnh đời oái oăm mà bà Tú phải gánh chịu. Chú ý phân tích các từ duyên, nợ, âu đành phận.

+ Nghệ thuật: Biện pháp đảo ngữ, vận dụng các thành ngữ, từ láy nhằm nhấn mạnh sự vất vả, chịu thương chịu khó của bà Tú.

- **Kết bài:** Cảm nhận chung về hình ảnh bà Tú là người vợ, người mẹ đảm đang, tháo vát, chịu thương, chịu khó, yêu thương chồng con và giàu đức hi sinh.

c. Biểu điểm:

- Điểm 6 - 7: Cho các bài viết đúng về kĩ năng và kiến thức, văn viết có cảm xúc, ít mắc lỗi diễn đạt.
- Điểm 4 - 5: Cho các bài viết đạt 2/3 yêu cầu trên. Mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không ảnh hưởng nội dung.
- Điểm 2 - 3: Cho các bài sai về kĩ năng (nghị luận) nhưng có hiểu nội dung văn bản, mắc một số lỗi diễn đạt.
- Điểm 0 - 1: Cho các bài bỏ giấy trắng hoặc lạc đề, sai ý.

5. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 5

TRƯỜNG THPT LỤC NGẠN SỐ 1 BẮC GIANG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi:

Viết cho con mùa thi đại học

(Trích)

Con thương yêu của Mẹ!

(1) Mẹ đã đọc nhiều dòng tâm sự của các sĩ tử đã, đang và sắp thi đại học, đặc biệt là của những sĩ tử thi trượt đại học. Mẹ thấy nỗi buồn của sự thất bại đầu đời đối với các con thật là khó khăn để vượt qua. Mẹ thấy sự tuyệt vọng của không ít bạn trẻ khi gặp phải “cú trượt chân” này cũng không ít lời chỉ trích, nỗi thất vọng của người thân từng kỳ vọng vào họ. Mẹ cũng nhận thấy nghị lực, lòng quyết tâm của không ít các bạn mong muốn làm lại từ đầu.

(2) Con gái yêu, cuộc sống của các con mới chỉ bắt đầu ở ngưỡng cửa cuộc đời. Những vấp ngã, nếu có, sẽ là bài học kinh nghiệm quý báu để các con trưởng thành hơn.

(3) Con có thể thi đỗ, trượt đại học, không quan trọng bằng việc con biết vượt qua thất bại như thế nào, không quan trọng bằng nghị lực và lòng quyết tâm của con. Mẹ sẽ không thất vọng với những vấp ngã của con mà mẹ chỉ thất vọng khi con không vượt qua được chính bản thân mình. Hãy biết vượt lên chính mình, con ạ. Mẹ luôn trân trọng những người biết tự đứng lên sau những vấp ngã.

(4) Con yêu, hãy cứ hy vọng, cứ biết ước mơ. Hạnh phúc thuộc về những người dám ước mơ và biết cách biến mơ ước thành sự thật. Con đã có: một người luôn yêu thương con, dù ở bất cứ đâu, dù bất cứ khi nào. Con hãy chọn những việc mình làm có ý nghĩa, bắt đầu từ những nỗ lực và nghị lực từ hành trình đầu đời của con. Như thế, con sẽ là người hạnh phúc.

(Dẫn theo: *Kênh 14.vn – Kênh giải trí, xã hội*)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên (0.5 điểm).

Câu 2. Theo tác giả bài viết, hạnh phúc thuộc về những ai? (0.5 điểm).

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn (1). (1.0 điểm).

Câu 4. Anh/chị có đồng ý với quan điểm cho rằng: “Những vấp ngã, nếu có, sẽ là bài học kinh nghiệm” để con người trưởng thành hơn không? Vì sao? (1.0 điểm).

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về thái độ cần phải có trước những thất bại của bản thân.

Câu 2. (5.0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về hai đoạn trích sau trong bài thơ “Vội vàng” của nhà thơ Xuân Diệu:

(1) "Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi"

(Trích: “Vội vàng”, Xuân Diệu – Dẫn theo Ngữ Văn 11, tập hai, trang 22)

(2) "Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!"

(Trích: “Vội vàng”, Xuân Diệu – Dẫn theo Ngữ văn 11, tập hai, trang 23)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 5 MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Câu 2: Theo tác giả, hạnh phúc sẽ thuộc về những người dám ước mơ và biết cách biến ước mơ thành hiện thực.

Câu 3:

- Biện pháp tu từ: liệt kê, đối, ẩn dụ

+ Ẩn dụ: cú trượt chân (thất bại, trượt Đại học)

+ Liệt kê: những phản ứng khác nhau của các sĩ tử và người thân khi các sĩ tử thất bại trong kỳ thi Đại học (tuyệt vọng, thất vọng, quyết tâm muốn làm lại từ đầu).

+ Đối lập: Thái độ tiêu cực (tuyệt vọng, thất vọng...) và thái độ tích cực (ngại lực, quyết tâm, muốn làm lại từ đầu...).

- Hiệu quả: Làm rõ những biểu hiện khác nhau (đối lập) của các sĩ tử và cả những người thân khi các sĩ tử thất bại trong kỳ thi Đại học/ Kể ra những biểu hiện tiêu cực và tích cực của các sĩ tử và người thân khi các sĩ tử trượt Đại học.

Câu 4: Học sinh có thể đồng tình hoặc không đồng tình nhưng yêu cầu phải có những kiến giải hợp lý:

- Đồng tình: Sau khi “vấp ngã”, thất bại mỗi người sẽ tự thấy được những điểm mạnh, điểm yếu, những tồn tại, hạn chế của bản thân từ đó có thể điều chỉnh hành vi, thái độ cho phù hợp. Đó chính là bài học kinh nghiệm quan trọng giúp con người trưởng thành hơn trong cuộc sống.

- Không đồng tình: Có những thất bại “vấp ngã” làm mất đi cơ hội của con người khiến con người dù có thêm một bài học mới cũng khó có cơ hội làm lại, không có cơ hội cống hiến, làm việc... vì thế con người khó có thể trưởng thành.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

a. Đảm bảo về hình thức đoạn văn:

- Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành.

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Thái độ cần phải có khi gặp thất bại.

c. Triển khai vấn đề nghị luận: Trên cơ sở những hiểu biết về đoạn trích ở phần Đọc hiểu, thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận và trình bày suy nghĩ theo nhiều cách nhưng với điều kiện lập luận phải chặt chẽ, thuyết phục và phải làm rõ được vấn đề nghị luận: Thái độ cần phải có trước những thất bại của bản thân. Dưới đây là một số gợi ý định hướng làm bài:

- Trình bày cách hiểu về thất bại: Thất bại là không hoàn thành được mục tiêu đề ra, không đạt được kết quả như ý muốn...

- Chỉ ra được những thái độ cần phải có khi bản thân gặp thất bại:

+ Chủ động đón nhận thất bại, coi thất bại là một thử thách tất yếu của cuộc sống.

+ Bình tĩnh đối diện với thất bại để có thể sáng suốt lựa chọn cho mình một quyết định hợp lý nhất.

+ Dũng cảm vượt qua thất bại, biến thất bại hiện tại thành động lực để hướng tới thành công trong tương lai.

- Phê phán những biểu hiện tiêu cực khi gặp thất bại.

d. Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, diễn đạt sáng tạo, phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

e. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

Câu 2:

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:

- Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:

- Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong đoạn trích mở đầu và đoạn trích cuối cùng trong tác phẩm “Vội vàng” của nhà thơ Xuân Diệu từ đó đánh giá khái quát về điểm thống nhất và sự vận động trong mạch tư tưởng ở hai trích đoạn.

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:

- Trên cơ sở những hiểu biết về tác giả Xuân Diệu và tác phẩm “Vội vàng”, học sinh có thể cảm nhận về hai đoạn trích theo những cách khác nhau nhưng phải hợp lý và diễn đạt phải có sức thuyết phục. Dưới đây là một số gợi ý:

+ Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.

+ Cảm nhận về hai đoạn trích:

- Đoạn thứ nhất: Vị trí: Đoạn mở đầu của tác phẩm; Nội dung: Thông qua ước muốn mạnh mẽ, táo bạo (muốn đoạt quyền của tạo hóa, hãm lại vòng quay của đất trời để vĩnh cửu hóa cái đẹp), thi nhân muốn bộc lộ tình yêu và niềm say mê cuộc sống; Nghệ thuật: Điệp từ “Tôi muốn”, điệp cấu trúc câu “Tôi muốn....Cho”: Nhấn mạnh, khẳng định khao khát mãnh liệt của thi nhân; Giọng thơ dứt khoát, mạnh mẽ cùng sự xuất hiện trực tiếp của chủ thể trữ tình đã thể hiện thái độ tự tin của cái “tôi” thơ mới.
- Đoạn thứ hai: Vị trí: Đoạn thơ kết thúc tác phẩm; Nội dung: Lời giục giã của thi nhân – hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, hãy tận hưởng cuộc sống để thỏa mãn tận cùng khát vọng, tình yêu; Nghệ thuật: Điệp từ “Ta muốn”; nhịp thơ nhanh, mạnh, dồn dập; các động từ mạnh ở mức độ tăng cấp cùng các tính từ được sử dụng... đã thể hiện ước muốn mãnh liệt, cuồng nhiệt của thi nhân.

+ Nhận xét, đánh giá:

- Giống nhau: Ở cả hai trích đoạn, tác giả, thông qua việc trực tiếp thể hiện khát vọng mạnh mẽ, táo bạo của mình đã thể hiện tình yêu đời, yêu cuộc sống tới say mê, cuồng nhiệt.
- Khác nhau: Đoạn 1: Tình yêu đời, yêu cuộc sống được tác giả thể hiện thông qua ước muốn táo bạo, phi hiện thực; Đoạn 2: Tác giả đã vẽ ra một con đường thiết thực để hiện thực hóa ước mơ của chính mình, để thỏa mãn tận cùng tình yêu niềm say mê với cuộc đời; từ đó nhà thơ muốn thể hiện một quan niệm sống mới mẻ, tích cực, tiến bộ: phải chạy đua với thời gian để kịp tận hưởng cuộc sống, sống một cuộc sống có ý nghĩa – nhất là với tuổi trẻ.

d. Chính tả và ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp Tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

6. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 6

TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc câu thơ và trả lời các câu hỏi sau:

"Sầu đông càng lác càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê"

(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Câu 1. Câu thơ trên nói về nhân vật nào của truyện Kiều?

Câu 2. Chỉ ra và nêu ý nghĩa của điển cố được thể hiện ở câu thơ?

Câu 3. Hãy chỉ ra và phân tích những từ ngữ sự sáng tạo độc đáo trong câu thơ?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Hãy trình bày cảm nhận của (Anh/ chị) về hình ảnh người phụ nữ Việt Nam xưa qua bài thơ "Thương vợ" của Trần Tế Xương?

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 6 MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Câu thơ trên nói đến nhân vật Thúy Kiều.

Câu 2: "Ba thu": Điển cố chỉ một ngày không gặp nhau dài như ba năm

Câu 3: Các từ ngữ thể hiện sự độc đáo của câu thơ trên là: Sầu, đông, lác, đầy. Dùng những từ chỉ động tác đo đếm với đối tượng vô hình để ta dễ dàng cảm nhận hết nỗi sầu muộn vô bờ của Thúy Kiều.

II. LÀM VĂN

a. Yêu cầu về kĩ năng: Viết đúng kiểu bài nghị luận bàn về một khía cạnh, nội dung văn học; Có ý thức, hiểu biết và thái độ đúng đắn về số phận, vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong thời phong kiến. Học sinh vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: Giải thích, phân tích, bình luận, so sánh... Diễn đạt trong sáng, bố cục mạch lạc, rõ ràng. Ít mắc lỗi chính tả.

b. Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày nhiều cách sáng tạo song cần đảm bảo được những ý cơ bản sau:

- Mở bài:

+ Giới thiệu hình tượng người phụ nữ trong văn học nói chung.

+ Cảm hứng về hình ảnh người phụ nữ trong Thương vợ của Trần Tế Xương.

- Thân bài:

+ Khái quát về thời đại lịch sử, hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ.

+ Người phụ nữ Việt Nam thời xưa đẹp người và đẹp nết: Tảo tần, chung thủy, son sắt: Bà Tú chịu thương chịu khó, tảo tần, "quanh năm buôn bán" nuôi chồng nuôi con, thủy chung son sắt, giàu đức hi sinh cho chồng con.

+ Bà Tú là tiêu biểu cho người phụ nữ lam lũ, vất vả, chịu nhiều thiệt thòi, gian nan, vất vả, "hồng nhan bạc phận".

+ Tú Xương viết về người phụ nữ với mối đồng cảm sâu sắc là một biểu hiện của tinh thần nhân đạo.

+ Liên hệ với hình ảnh người phụ nữ trong xã hội hiện nay:

- Người phụ nữ đã có vị trí tốt hơn trong xã hội, bình đẳng với nam giới.
- Họ luôn cố gắng phát huy vẻ đẹp cả bên ngoài lẫn bên trong của mình, tiếp nối những vẻ đẹp truyền thống của phụ nữ Việt Nam ta từ xưa đến nay.
- Tuy nhiên vẫn còn không ít người phụ nữ vẫn còn phải chịu nhiều thiệt thòi, khổ sở, bất hạnh cả về thể xác lẫn tinh thần.
- Vậy ngay từ bây giờ mỗi người phải luôn ý thức về cuộc sống, về số phận con người, đặc biệt là người phụ nữ.

- **Kết bài:**

+ Người phụ nữ xưa phải chịu nhiều bất hạnh do sự hạn chế của ý thức xã hội nhưng họ vẫn luôn giữ được những vẻ đẹp vốn có của mình.

+ Nhắc nhở con người phải biết trân trọng hạnh phúc của ngày hôm nay.

+ Liên hệ bản thân.

c. Cách đạt điểm:

- Điểm 6 - 7: Bài viết đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Hành văn có cảm xúc, lập luận thuyết phục.

- Điểm 4 - 5: Bài viết đáp ứng được những ý cơ bản, hầu như không mắc lỗi về kĩ năng và diễn đạt.

- Điểm 2 - 3: Bài viết chỉ trình bày được một nửa yêu cầu về kiến thức, còn mắc lỗi về kĩ năng và diễn đạt.

- Điểm 1 - 2: Bài viết chưa hiểu rõ về vấn đề hoặc không biết cách lập luận, mắc lỗi nhiều về kĩ năng và diễn đạt.

- Điểm 0: Bài viết lạc đề hoàn toàn hoặc học sinh không viết bài.

7. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 7

TRƯỜNG THPT THANH MIỆN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 45 phút

Đề: Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/ chị về hiện tượng: sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng trong thế hệ trẻ hiện nay.

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 7
MÔN: NGỮ VĂN 11**

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội: Có đầy đủ ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nêu được suy nghĩ của bản thân về hiện tượng: sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng trong thế hệ trẻ hiện nay.

c. Triển khai vấn đề nghị luận: Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

- **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận. Dẫn dắt vấn đề.

- **Thân bài:**

+ Giải thích hiện tượng:

- Vô cảm là không có cảm giác, không có tình cảm, không xúc động trước một sự vật, hiện tượng, một vấn đề gì đó trong đời sống. Bệnh vô cảm là căn bệnh của những người không có tình yêu thương, sống dửng dưng trước nỗi đau của con người, xã hội, nhân loại.
- Hiện tượng sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng trong thế hệ trẻ hiện nay là biểu hiện tiêu cực trong đời sống của giới trẻ – những chủ nhân tương lai của đất nước. Hiện tượng này thu hút mối quan tâm và gây ra nhiều bức xúc cho xã hội.

+ Phân tích thực trạng, nguyên nhân, tác động của hiện tượng:

- Thực trạng của lối sống thờ ơ vô cảm: Hiện đang là một xu hướng của rất nhiều học sinh, thanh niên: sống ích kỉ, ham chơi, chỉ biết đòi hỏi, hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, xã hội. Thậm chí có học sinh tìm đến cái chết chỉ vì cha mẹ không đáp ứng các yêu cầu của mình... (Dẫn chứng).
- Nguyên nhân: Xã hội phát triển, nhiều các loại hình vui chơi giải trí. Nền kinh tế thị trường khiến con người coi trọng vật chất, sống thực dụng hơn; Do phụ huynh nuông chiều con cái; Nhà trường, xã hội chưa có các biện pháp quản lí, giáo dục thích hợp.
- Hậu quả: Con người trở thành kẻ ích kỉ, vô trách nhiệm, vô lương tâm, chỉ biết sống cho mình mà không quan tâm đến người thân và những người xung quanh; Không biết cảm thông, chia sẻ, yêu thương với những cảnh ngộ bất hạnh trong cuộc đời; Bị xã hội coi thường, bị mọi người xa lánh.

+ Mở rộng, nâng cao vấn đề:

- Tình thương là thứ quý giá của con người, bệnh vô cảm đã làm mất phẩm chất ấy, làm phai nhạt tình cảm của con người.
- Thế hệ trẻ cần xác định lí tưởng sống, mục đích sống đúng đắn, sống tử tế với người thân và mọi người xung quanh. Mọi suy nghĩ, hành động, lời nói của mình đều phải xuất phát từ lòng nhân ái.
- Hãy làm giàu tâm hồn bằng những sáng tạo tinh thần lành mạnh; tích cực tham gia vào những phong trào, những hoạt động mang ý nghĩa xã hội rộng lớn, hãy sống cởi mở và có một trái tim nhân hậu, biết thương người như thể thương thân là sẽ chữa dứt được “bệnh vô cảm”.
- Cần phê phán những con người có lối sống vô cảm.

+ Bài học nhận thức và hành động (sống cần có tình yêu thương, quan tâm, chia sẻ, cần học tập rèn luyện đạo đức sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội...).

- **Kết bài:** Đánh giá vấn đề nghị luận, nêu cảm nghĩ của bản thân.

d. Chính tả và ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp Tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

8. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 8

TRƯỜNG THPT BẾN TRE

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 45 phút

Đề: Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời xưa qua hai bài thơ: Tự tình II của Hồ Xuân Hương và Thương vợ của Trần Tế Xương.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 8 MÔN: NGỮ VĂN 11

- Học sinh cần có bài viết với bố cục rõ ràng, phân tích luận điểm gắn với việc trích dẫn thơ chính xác, lời văn mạch lạc, giàu cảm xúc.

- Những hình thức như vậy được lựa chọn nhằm giải quyết các vấn đề theo yêu cầu của đề bài. Học sinh có thể phân tích theo những suy nghĩ riêng, điều cốt yếu phải trình bày được một số nội dung sau:

+ Số phận bất hạnh dưới chế độ phong kiến bất công, ngang trái (4.0 điểm).

- Bài “Tự tình II”, người phụ nữ phải sống kiếp vợ lẽ cô đơn, tủ nhục, bế bàng.
- Bài “Thương vợ”, người phụ nữ phải gánh vác mọi việc nặng nhọc trong gia đình thay cho chồng; vất vả, lam lũ để nuôi chồng, nuôi con.

+ Phẩm chất cao quý của người phụ nữ (6.0 điểm).

- Bài “Tự tình II”: người phụ nữ chỉ oán trách số phận chứ không hề oán trách người đàn ông, ý thức về vẻ đẹp của bản thân, khao khát hạnh phúc trọn vẹn.
- Bài “Thương vợ”: yêu thương chồng con, chịu thương chịu khó, giàu đức hy sinh, chấp nhận hy sinh bản thân mà không hề kêu ca, phàn nàn.

- Lưu ý:

- + Điểm trừ tối đa đối với bài viết không bảo đảm bố cục bài văn nghị luận là 2.0 điểm.
- + Điểm trừ tối đa với bài làm mắc nhiều lỗi lập luận là 2.0 điểm.
- + Điểm trừ tối đa đối với bài viết có nhiều lỗi diễn đạt: 1.0 điểm.

9. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 9

TRƯỜNG THPT THANH MIỆN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 45 phút

Đề: Hiện nay ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị xã, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh. Anh (chị) viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của mình về hiện tượng đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 9 MÔN: NGỮ VĂN 11

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội: Có đầy đủ ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nêu được suy nghĩ của bản thân về việc nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị xã, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh.

c. Triển khai vấn đề nghị luận: Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

- **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận. Dẫn dắt vấn đề.

- **Thân bài:**

+ Giải thích:

- Trẻ em cơ nhỡ, lang thang là những trẻ em ở lứa tuổi vị thành niên bị mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa, bị bỏ rơi do cha mẹ bất hòa, gia đình khó khăn hay một lí do nào đó mà không có người chăm sóc, nuôi dưỡng, sớm phải sống lang thang, tự lập.

+ Bàn luận vấn đề cần nghị luận:

- Hoạt động giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, lang thang.
- Cuộc sống của trẻ em cơ nhỡ, lang thang phần lớn là đói rách, nghèo khổ, không được học hành đến nơi đến chốn, không được bao bọc chở che trong vòng tay yêu

thương của cha mẹ hay người thân. Nhìn chung đó là những trẻ em chịu nhiều thiệt thòi bất hạnh bởi là trẻ thơ mà không có tuổi thơ.

- Trẻ em cơ nhỡ, lang thang đã đang và sẽ phải đối mặt với nhiều thiệt thòi thách thức: luôn bị đói nghèo, bệnh tật đe dọa, bị bóc lột sức lao động, bị kẻ xấu lạm dụng, lợi dụng làm việc phạm pháp, dễ bị tha hóa, cuộc sống không ổn định, tương lai mờ mịt, sống hôm nay mà không biết ngày mai sẽ ra sao.
- Trên khắp cả nước có nhiều tập thể, cá nhân tự nguyện chung tay giúp đỡ những trẻ em bất hạnh này. (Dẫn chứng: Làng trẻ em SOS, Làng trẻ em Hòa Bình (Từ Dũ), cá nhân (Mẹ Phạm Ngọc Oanh - Hà Nội với 800 đứa con tình thương, nhiều tổ chức cá nhân hảo tâm tuy không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng luôn sẵn lòng ủng hộ,...).

+ Ý nghĩa của hoạt động:

- Góp phần làm giảm bớt những bất hạnh mà trẻ em cơ nhỡ, lang thang phải gánh chịu, trả lại cho các em nụ cười hạnh phúc, nụ cười hồn nhiên thơ trẻ.
- Giúp các em có môi trường lành mạnh để phát triển nhân cách, tạo cho các em có cơ hội thuận lợi để sống tự lập khi bước vào cuộc sống, giảm bớt nguy cơ tội phạm và các tệ nạn xã hội.
- Thể hiện bản chất và truyền thống nhân đạo của con người Việt Nam, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, tốt đẹp.

+ Mở rộng vấn đề, nêu phản đề:

- Mọi hành động giúp đỡ cần xuất phát từ tấm lòng chân thành, từ sự cảm thông, chia sẻ về tấm lòng cam tâm tình nguyện chứ không phải vì mục đích khác.
- Phê phán trong xã hội vẫn còn những kẻ vô cảm coi khinh thậm chí là nhục mạ những trẻ em lang thang, cơ nhỡ.

+ Nêu bài học nhận thức và hành động với bản thân (sống cần có tình yêu thương, biết quan tâm, chia sẻ, có những việc làm tích cực giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, lang thang...).

- **Kết bài:** Đánh giá vấn đề nghị luận, nêu cảm nghĩ.

d. Chính tả và ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp Tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

10. Đề Kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 11 số 10

TRƯỜNG THPT ĐƯỜNG AN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

MÔN: NGỮ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC - HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

Gì sâu bằng những trư hiu quạnh
 Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!
 Đâu những lưng cong xuống luống cày
 Mà bùn hy vọng nước hương ngây
 Và đâu hết những bàn tay ấy
 Vãi giống tung trời những sớm mai?

(Trích Nhớ đồng – Tố Hữu)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ trong đoạn thơ trên (0.5 điểm).

Câu 2. Chỉ ra 01 câu cảm thán được tác giả sử dụng trong đoạn thơ (0.5 điểm).

Câu 3. Anh/chị hiểu câu thơ: “Đâu những lưng cong xuống luống cày” như thế nào? (1.0 điểm)

Câu 4. Anh (chị) hãy trình bày ngắn gọn suy nghĩ của mình về tình cảm tác giả giải bày trong đoạn thơ (1.0 điểm).

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh (chị) về đoạn văn tế sau:

"Nhớ linh xưa:

Cui cút làm ăn; toan lo nghèo khó.

Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa; mùi tinh chiến vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ.

Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu; hai vầng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó.

Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Khá thương thay!

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo dòng ở lính diễn binh; chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ.

Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn; chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi bao tấu bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ.

Hoả mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quản giống trống kì, trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ".

(Trích "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"- Nguyễn Đình Chiểu, SGK Ngữ văn 11, tập 1, trang 61, 62)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 10 MÔN: NGỮ VĂN 11

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Câu 2: Câu cảm thán được tác giả sử dụng trong đoạn thơ là: "Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!".

Câu 3: Câu thơ: "Đâu những lưng cong xuống luống cày" thể hiện: Hình ảnh những người nông dân lam lũ, vất vả cày, cấy làm ra thành quả lao động.

Câu 4: Tình cảm tác giả giải bày trong đoạn thơ chính là tấm lòng yêu nhớ đồng quê tha thiết.

II. LÀM VĂN

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ dũng cảm, hi sinh vì đất nước, nhân dân.

c. Triển khai vấn đề nghị luận:

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn văn.

+ Dẫn vấn đề cần nghị luận:

- Hoàn cảnh xuất thân: Người nông dân lam lũ, tui cực, "cui cút làm ăn" sống đời thàm lạng ở thôn ấp... (câu 3); Thuần thực việc nhà nông, xa lạ với binh đao, trận mạc (câu 4,5).
- Bước chuyển biến khi giặc xâm lược đến: Về tình cảm: Lòng căm thù, ghét cay ghét đắng trước hình ảnh kẻ thù xâm chiếm đất nước ta (câu 6,7); Về nhận thức – ý thức trách nhiệm với đất nước (câu 8, 9); Hành động tự nguyện tham gia chiến đấu (câu 10,11).
- Tinh thần xả thân (câu 12,13,14,15): Trang bị: sớ sài; Vũ khí: thô sơ; Khí thế chiến đấu: hào hùng, tấn công như vũ bão, quyết chiến,...

+ Nghệ thuật: Từ láy, so sánh, thành ngữ, động từ mạnh, nhịp điệu nhanh, mạnh, dứt khoát, đối lập...

d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cảm nhận, suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

www.eLib.vn